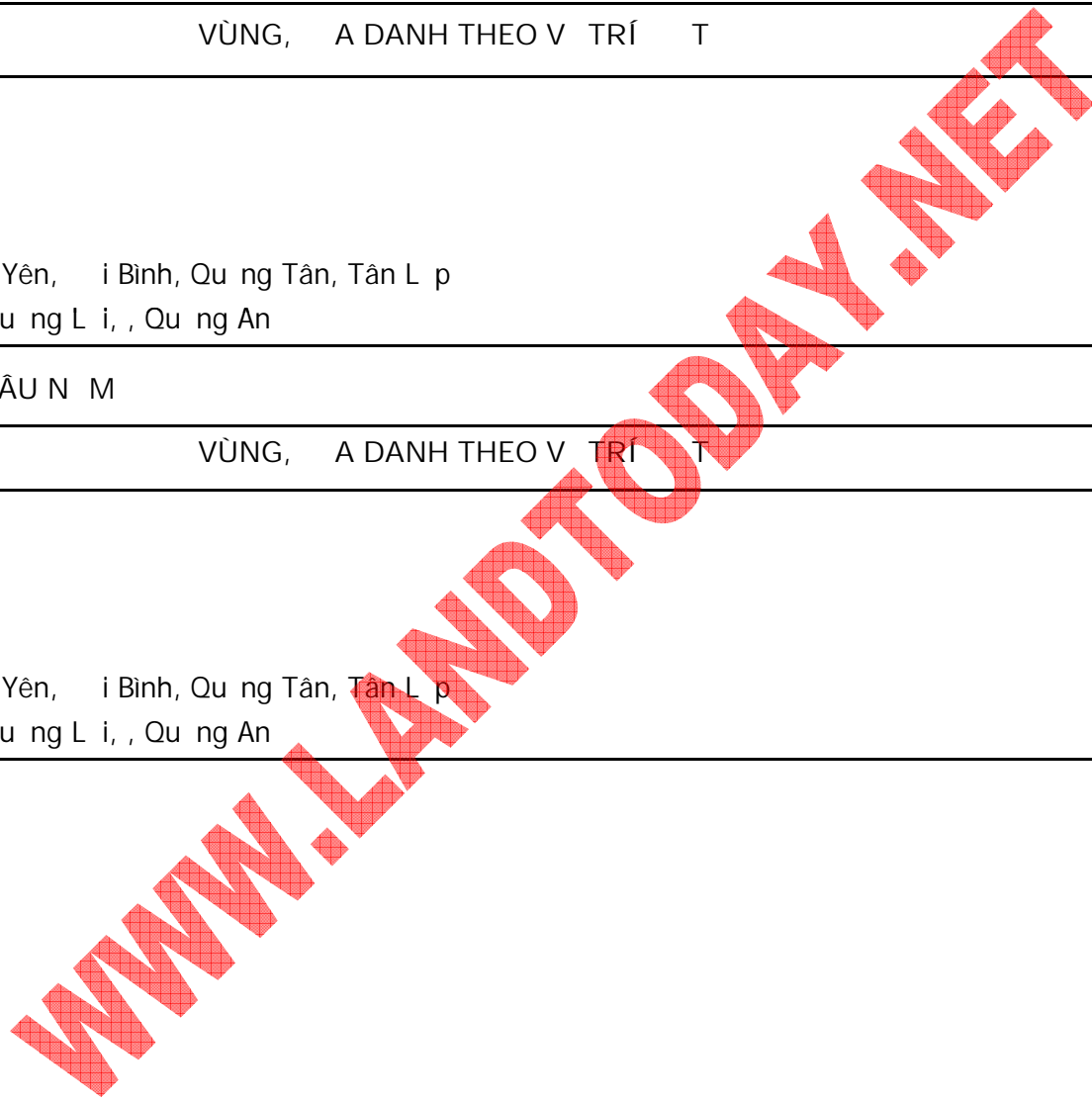


II. BẢNG GIÁ T NÔNG NGHIỆP
 A- T TRỒNG CÂY HÀNG NĂM

Vị trí	VÙNG, A DANH THEO VỊ TRÍ T	Mức giá (/M ²)
I	Vùng trung du	
1	Thị trấn Hòa	30,000
2	Xã Hòa	28,000
II	Vùng miền núi	
1	Các xã: Tân Bình, Đức Yên, Hòa Bình, Quảng Tân, Tân Lập	19,000
2	Các xã: Quảng Lâm, Quảng Lợi, , Quảng An	17,000

B- T TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Vị trí	VÙNG, A DANH THEO VỊ TRÍ T	Mức giá (/M ²)
I	Vùng trung du	
1	Thị trấn Hòa	27,000
2	Xã Hòa	25,000
II	Vùng miền núi	
1	Các xã: Tân Bình, Đức Yên, Hòa Bình, Quảng Tân, Tân Lập	17,000
2	Các xã: Quảng Lâm, Quảng Lợi, , Quảng An	15,000



C- TR NG S N XU T

V TRÍ	N I DUNG	M C GIÁ (/M ²)
I	Vùng trung du	
1	Có i u ki n thu n l i: g n các tr c ng, khu dân c	3,000
2	Có i u ki n không thu n l i: i l i khó kh n, xa khu dân c	2,000
II	Vùng mi n núi	
1	Có i u ki n thu n l i: g n các tr c ng, khu dân c	2,000
2	Có i u ki n không thu n l i: i l i khó kh n, xa khu dân c	1,700

D- T NUOI TR NG TH Y S N

- 1- T BÃI TRI U: 1.500 /M²
- 2- M VEN BI N: 4.500 /M²
- 3- H , M N I A:

V TRÍ	VÙNG, A DANH THEO V TRÍ T	M C GIÁ (/M ²)
I	Vùng trung du	
1	Th tr n m Hà	21,000
2	Xã m Hà	19,000
II	Vùng mi n núi	
1	Các xã: Tân Bình, D c Yên, i Bình, Qu ng Tân, Tân L p	13,000
2	Các xã: Qu ng Lâm, Qu ng L i, Qu ng An	12,000